

UBND HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG TIỂU HỌC
ẤP ĐÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 13/QĐ – TH.ẤĐ

Hóc Môn, ngày 01 tháng 04 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

*Về việc công khai đánh giá thực hiện dự toán thu - chi
ngân sách của trường Tiểu học Ấp Đình.*

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TH ẤP ĐÌNH

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính về sửa
đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ
tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán*

*Căn cứ vào kết quả chi ngân sách quý 01 năm 2023 của trường Tiểu học Ấp
Đình.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 01
năm 2024 của trường TH Ấp Đình (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Tập thể CB-GV-NV và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết
định này

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Phòng TCKH;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Hòa

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG THẤP ĐÌNH

Chương: 622

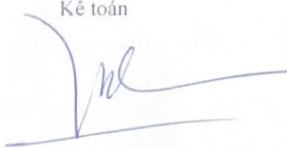
DÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý 1/2024	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
2	Chi từ nguồn thu được để lại	5.706,72	1.133,95	152,54%	
2.1	Chi thu sự nghiệp	5.706,72	1.133,95	152,54%	
1	Nguồn học 2 buổi	69,76	24,561	35,21%	52,283%
2	Nguồn tin học	172,24	22,239	12,91%	30,690%
3	Nguồn học tiếng anh bản ngữ	2.196,80	450,756	20,52%	15,926%
4	Nguồn học kỹ năng sống	768,38	161,889	21,07%	21,591%
5	Nguồn công phục vụ bán trú	905,60	211,899	23,40%	15,791%
6	Nguồn trang thiết bị bán trú	283,00		0,00%	0,857%
7	Nguồn thu học Stem	983,52	200,10	20,35%	
8	Nguồn thu tăng cường ngoại ngữ	327,41	62,50	19,09%	
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước cấp	16.552,18	3.137,34	18,95%	
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	16.329,78	3.014,94	18,46%	
1.1	Kinh phí thường xuyên (Nguồn 13)	9.093	1.887,87	20,76%	
	Tiền lương	3.727,98	907,02	24,33%	27,84%
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	241,20	65,10	26,99%	22,38%
	Phụ cấp lương	2.485,33	492,81	19,83%	24,75%
	Phúc lợi tập thể	100,00	38,00	38,00%	
	Các khoản đóng góp	1.101,31	288,00	26,15%	16,65%
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	420	15,75	3,75%	49,83%
	Thanh toán dịch vụ công cộng	36		0,00%	0,00%
	Vật tư văn phòng	35		0,00%	0,00%
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	5		0,00%	45,00%
	Công tác phí	35		0,00%	28,00%
	Chi phí thuê mướn	498	63,29	12,71%	9,71%
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	82	11,00	13,41%	27,88%

	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	120,37	6,90	5,73%	26,44%
	Chi khác	86		0,00%	14,14%
	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	120		0,00%	0,00%
1.2	Nguồn cải cách tiền lương (Nguồn 14)	7.236	1.127	0	-
	Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của HĐND Thành Phố	5.875,84	788,70	13,42%	
	Kinh phí chi CCTL mã 14	1.361	338,36	24,87%	
2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ (Nguồn 12)	222	122,4	55,04%	
	Trợ cấp tết	122,4	122,4	100,00%	
	Kinh phí khen thưởng và chi khác	60		0,00%	
	Kinh phí mua sắm, sửa chữa	40	-	0,00%	

Kế toán

 Nguyễn Thị Phương

Ngày 04 năm 2024
 Trưởng

 Nguyễn Hồng Hòa